

VỀ HAI CHỮ NÔM 𠄎⁽¹⁾ 天⁽²⁾ 上

TRẦN XUÂN NGỌC LAN (*)

Trong các từ điển chữ Nôm của các nhà nghiên cứu Nôm học từ thế kỷ XVII đến nay, từ *Trời* đều được viết bằng chữ Nôm vuông.

Về hình thể đây là loại chữ viết khối vuông như tính chất của văn tự Hán. Về ý nghĩa và cấu tạo đều được mô tả và phân tích như sau. Đầu tiên xin dẫn một số từ điển:

Bảng tra cứu chữ Nôm thế kỷ XVII,
Vũ Văn Kính, 1992

𠄎 Blời / trời /. Mặt Blời/ Mặt trời

Dictionarium Anamitico Latinum
Par Taberb, 1838

𠄎 Trời Coelum

𠄎主德 Đức Chúa Trời, Deus

𠄎坦 Đất Trời Coelum et Terra

𠄎高 Trời Cao Coelum sublime

Đại Nam quốc âm tự vị (ĐNQÂTV),
Huỳnh Tịnh Paulus Của, 1895.

𠄎 n Vàng cao lớn bao phủ trên không;
hình khum khum bao phủ trên cao.

Tự Đức Thánh Chế tự học giải
nghĩa ca, 1897

天 𠄎 地 坦 𠄎 位 魁 (Khám dư loại)

Thiên trời địa đất vị ngôi

昊 𠄎 夏 昊 𠄎 秋

Hạo trời hạ, Mân trời thu

Dictionaire An Namite Francaise-
Jean Bonet, 1898

Trời 𠄎 Ciel, firmament, le temps, la température. Dans quelques contrées, de Pamam on prononce lòi (dịch: Bầu trời, thời gian, thời tiết trong một nơi, người địa phương còn phát âm thành “lòi”) → formé des S.A thiên 天, ciel, et thượng 上 haute superior (dịch: Lòi được cấu tạo bởi 天 (thiên) là trời và 上 (thượng) là trên.

Dictionaire An Namite - Francaise -
J.F.M Genibrel, 1898

𠄎 n Trời [thiên], (T.lòi), Ciel, n, Divin, Céleste, Royal, impérial, adj, Đức Chúa Trời (dịch: Trời, danh từ, thần thánh thuộc về trời, vua, hoàng đế, tính từ).

Từ điển chữ Nôm, Nguyễn Quang
Xỹ - Vũ Văn Kính, 1971.

Trời (loại chữ) HY (hội ý)

𠄎 CT (cấu tạo) 天 (thiên: trời → Ý
+ 上 (thượng: trên → ý).

(*) PGS.TS. Tp. Hồ Chí Minh.

Tự điển chữ Nôm: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu Hán Nôm năm 2006.

𠄎 Trời. Loại chữ E₂ (thiên + thượng)

E₂: loại chữ hội ý: viết ghép hai chữ Hán thành một chữ Nôm để biểu đạt ý nghĩa của một ngữ tố Việt, ví dụ: 𠄎 Trời (hv, thiên: trời + hv thượng: trên).

Tiếp theo là ý kiến của một số học giả:

Cố học giả Đào Duy Anh trong *Chữ Nôm Nguồn gốc - Cấu tạo - Diễn biến*⁽³⁾ viết “phép hội ý thì chúng tôi chỉ thấy có sáu chữ. Phép này dùng hai chữ Hán, lấy ý nghĩa của hai chữ ghép lại với nhau mà gọi lên cái khái niệm muốn ghi...”. Chữ *trời* 𠄎 thì viết chữ *thiên* 天 là trời ở trên, chữ *thượng* 上 là trên, tức là trên trời, để gọi lên khái niệm Trời”.

GS. Nguyễn Tài Căn và N.V. Xtan kêvich trong *Một số vấn đề về chữ Nôm*⁽⁴⁾ xếp chữ 𠄎 *trời* thuộc loại Đ.E.G là ba kiểu chữ ghép, gồm hai thành tố đều có vai trò tích cực như nhau nhưng ở E ta có 2 thành tố đều góp phần giải thích về mặt nghĩa. Thiên cho ta nội dung “trời”, thượng góp thêm cái ý là “ở trên” và thiên + thượng = *trời* 𠄎.

GS. Lê Văn Quán trong *Nghiên cứu về chữ Nôm*⁽⁵⁾ đã đặt chữ 𠄎 (trời) vào loại chữ sáng tạo gồm hai thành tố ghi ý, đều góp phần xác định nghĩa của từ thuần Việt. Ví dụ: *Trời* 𠄎: *thiên* 天 + *thượng* 上 (thành tố *thiên* chỉ trời, thành tố *thượng* chỉ nghĩa ở trên).

Nhà nghiên cứu Nguyễn Khuê trong *Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm*⁽⁶⁾ xếp chữ 𠄎 vào loại chữ biểu ý có cấu trúc ghép, có hai thành tố là hai chữ Hán đều biểu ý, lấy nghĩa của hai thành tố

ghép lại làm thành nghĩa chung của chữ, và ông gọi đây là chữ hội ý.

𠄎 *Trời* (= trời đất) *thiên* (= trời) *thượng* (= ở trên)

Trên đây là những nhận định chung tiêu biểu về chữ Nôm 𠄎 (trời) của một số bộ tự điển và một số nhà Nôm học uy tín từ thế kỷ XVII đến nay.

Những nhận định đó có thể tóm tắt như sau:

Về hình thể, đây là loại chữ khối vuông, cùng loại hình với văn tự Hán.

Về cấu tạo, chữ này viết ghép hai chữ Hán 天 (thiên: trời) và 上 (thượng: trên) để biểu đạt ý nghĩa của từ Việt: trời. Cách cấu tạo này gọi là Hội ý.

Về ý nghĩa như ĐNQÂTV mô tả: vầng cao lớn bao phủ trên không, hình khum khum bao phủ trên cao. Đây chính là sự mô tả về *trời* 𠄎.

Giờ đây chúng ta hãy đến với một tư liệu chữ viết mới của từ *trời*.

Trong *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* (từ đây sẽ viết tắt là *PT*) chúng tôi gặp bảy chữ Nôm *trời*, đối dịch những từ Hán 天 (thiên) 二儀 (nhị nghi); 日 (nhật) 昊天 (hạo thiên) và 天上 (thiên thượng). Xin xem tư liệu sau đây:

1. Trang 14b d1,3

- d1: 慈母象於地 严父配於天

Từ mẫu tượng ư địa nghiêm phụ phối ư thiên

d3: 媿慈似朋坦吒敬册 娑娑⁽⁷⁾

Mẹ từ tựa bằng đất cha kính sánh chung trời

2. Trang 16b d2,4, d1,3c

d2,4: 父母恩何以高深比 二儀

Phụ mẫu ân hà dĩ cao thâm tỷ nhị nghi
d1,3: 盜那恩包那高審吝朋𠄎共坦
Áng nạ on bao nả, cao thăm ví bằng
trời cùng đất

3. Trang 20a d4,6 d3,5

d4,6: 風吹日曝白骨飄零

Phong súy nhật bào bạch cốt phiêu linh

d3,5: 𠄎𠄎末𠄎燭昌泊𠄎索

Gió thổi mặt trời soi xương bạc tan
tác...

4. Trang 34a d10, d9

d10: 計論母恩昊天罔極

Kế luận mẫu ân hạo thiên vong cực

d9: 量計所恩那𠄎庄哈窮隊

Lường kê thừa on nạ trời chẳng hay
cùng đòi

5. Trang 24b d4,6 d3,5

d4,6: 父母之恩昊天罔極

Phụ mẫu chi ân hạo thiên vong cực

d3,5: 恩盜那朋𠄎庄哈窮隊

Ôn áng mạ bằng trời chẳng hay cùng đòi

6. Trang 34b d4, d3

d4: 瞻天伏地

Chiêm thiên phục địa

d3: 𠄎工𠄎敬工坦

Trông trong trời, kính trong đất

Ngoại trừ chữ Nôm *trời* đối dịch với *thiên* ở trang 14b d3 chưa đoán ra mặt chữ⁽⁸⁾, còn lại 5 chữ *trời* đều viết với dạng 𠄎. Dạng này giống với dạng chữ *trời* từ thế kỷ XVII về sau không có gì đặc biệt. Riêng chữ Nôm đối dịch hai chữ Hán 天上 (thiên thượng) khiến chúng tôi phải suy nghĩ.

Xin xem tiếp đoạn kinh dưới đây và đề bạn đọc dễ hình dung, chúng tôi viết theo hàng dọc như trong PT. Trang 30b d6 d5

D b	Âm Hán Việt	d5	Phiên âm	d4		d3	
人	Nhân	那	Nạ				
父	Phụ	𠄎	Người				
母	Mẫu	𠄎	Ấy				
速	Tốc	急	Gấp				
得	Đắc	特	Được				
生	Sinh	多	Đi				
天 ⁽⁹⁾	Thiên	生	Sống				
上	Thượng	工	Trong				
離	Li	天	Thiên				
地	Địa	上	Thượng				
獄	Ngục	利	Lia				
苦	Khổ	苦	Khổ				
		工	Trong				
		地	Địa				
		獄	Ngục	令	Lịnh	遣	Khiến
				其	Kỳ	盜	Áng

Dòng 4 và dòng 6 trên đây là dòng kinh Phật viết bằng chữ Hán. Dòng 3 và dòng 5 là dòng dịch kinh Phật ra tiếng Việt viết bằng chữ Nôm. Ở dòng 6, hai chữ Hán 天上 (thiên thượng) được dòng 5 dùng 2 chữ 天上 để đối dịch. Chúng ta nên phiên âm hai chữ *thiên thượng* bên Nôm là gì? Phiên âm theo âm Hán Việt là “thiên thượng” như trên đây hay phiên bằng một từ khác?

Với những lý do sau đây chúng tôi phiên âm bằng một từ khác, đó là từ Trời.

Về nghĩa, từ *trời* đối dịch đúng nghĩa của từ Hán 天上 (Thiên thượng = Trời).

Về chữ viết, chữ Nôm hình chữ nhật 𠄎 (trời) trong *PT* chính là hình thức cổ của chữ Nôm hình vuông 𠄎 (trời) từ thế kỷ XVII về sau.

Có thể chứng minh điều này qua thành phần cấu tạo và sự diễn biến hình thể của chúng.

Đầu tiên là thành phần cấu tạo, cả hai chữ đều được cấu tạo bởi 2 thành tố 天 (thiên) và 上 (thượng). Điều khác nhau duy nhất giữa chúng là hình thể. Trong *PT* thì hai chữ 天 (thiên) và 上 (thượng) viết tách rời nhau, mỗi chữ chiếm một ô vuông riêng biệt, độc lập, cho nên khi hai thành tố đó phối hợp để tạo ra chữ viết của từ *trời* thì cho ra một hình thể chữ nhật đứng. Hình thể chữ nhật đứng này không phù hợp với tính chất vuông của chữ Nôm. Thuộc loại hình văn tự khối vuông như chữ Hán, chữ Nôm không thể chấp nhận hiện tượng một chữ Nôm hình thể chữ nhật như trên kéo dài, phải thay đổi hình thể theo hướng vuông⁽¹⁰⁾. Muốn vậy chỉ có một cách rút ngắn khoảng cách giữa 2

thành tố 天 (thiên) và 上 (thượng) cho đến khi nào chữ 天 (thiên) di chuyển trùn lên chữ 上 (thượng), chữ *thượng* di chuyển đến khoảng trống dưới chữ 天 (thiên) làm cho khoảng cách giữa hai thành tố 天 (thiên) và 上 (thượng) rút ngắn vừa đủ vào trong một ô vuông, lúc đó chữ *trời* hình vuông xuất hiện và đó là chữ *trời* từ thế kỷ XVII trở về sau. Có thể hình dung quá trình diễn biến trên trải qua 3 giai đoạn bằng sơ đồ như sau:

giai đoạn 1 giai đoạn 2 giai đoạn 3



• **Giai đoạn 1:** chữ 天 (thiên) và chữ 上 (thượng) mỗi chữ viết trong một ô vuông riêng biệt, do đó khi phối hợp tạo nên chữ *trời* thể hiện một hình thể chữ nhật đứng.

• **Giai đoạn 2:** hai thành tố 天 (thiên) và 上 (thượng) rút ngắn khoảng cách, dần khít lại gần nhau nhưng vẫn thể hiện là hình chữ nhật.

• **Giai đoạn cuối:** khoảng cách rút gọn đến mức chữ 天 (thiên) trùn lên chữ 上 (thượng) và chữ 上 (thượng) lọt vào khoảng trống bên dưới chữ 天 (thiên), giữa hai thành tố không còn khoảng cách nữa, nằm gọn trong một ô vuông và thế là chữ Nôm 𠄎 (trời) vuông của thế kỷ XVII xuất hiện.

Qua chứng minh, giờ đây chúng ta có thể phiên âm lại câu kinh trên đây là:

“Khiến áng nạ người ấy gặp được đi sinh trong trời lìa khổ trong địa ngục”.

Cuối cùng còn cần phải làm rõ thêm một vấn đề nữa, đó là chữ Nôm *trời* hình thể chữ nhật của *PT* là loại chữ Nôm gì? Chúng ta biết 天上 (thiên thượng) trong

tiếng Hán là một danh từ song âm tiết có nghĩa là *trời*.

Chữ Nôm đối dịch cũng viết bằng hai chữ 天上 (thiên thượng) nhưng không đọc theo âm HV mà đọc theo nghĩa của từ Hán này là *trời*. Vậy đây là chữ mượn nghĩa, chữ đọc theo nghĩa, còn gọi là chữ giả tá nghĩa. Loại chữ này là một trong những loại chữ cổ nhất trong sự hình thành và phát triển của văn tự.

Còn chữ Nôm *trời* hình thể vuông của thế kỷ XVII về sau là chữ Nôm gì?

Các nhà Nôm học trên đây đều phân tích chữ 天 (trời) là chữ hội ý, có cấu trúc ghép, với 2 thành tố hiểu nghĩa 天 (thiên) và 上 (thượng). Trời 天: *thiên* 天 + *thượng* 上 (thành tố *thiên* chỉ *trời*, thành tố *thượng* chỉ nghĩa ở trên).

Phân tích trên đây chỉ mới nêu lên được một điều kiện của chữ hội ý, đó là chữ phải được cấu tạo bởi sự phối hợp từ hai nghĩa phù trở lên. Ở đây là nghĩa phù 天 (thiên) và nghĩa phù 上 (thượng). Nhưng đây chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ. Cần phải có thêm một điều kiện nữa, đó là ý nghĩa của từ mà chữ đó biểu đạt không được giống với một nghĩa vốn có nào trong những nghĩa phù phối hợp ghép nên chữ này. Ở đây nghĩa của chữ Nôm 天 (trời) hoàn toàn giống với nghĩa phù 天 (thiên: trời). Có nghĩa là chỉ cần thành tố 天 (thiên) là đủ rồi không cần cộng thêm nghĩa phù 上 (thượng: trên). Nói cách khác nghĩa phù này là dư thừa. Các nhà sáng tạo ra chữ Nôm rất am hiểu lục thư (6 phương pháp cấu tạo chữ Hán) chắc không sáng tạo một chữ hội ý

thừa nghĩa như vậy. Đây chỉ là cách tiếp cận theo hướng đồng đại của một số học giả. Chúng tôi tiếp cận vấn đề theo hướng lịch đại, tức khảo sát chữ Nôm trong sự vận động diễn biến của thời gian để tìm ra hình thể ban đầu của nó và kết quả cho thấy, chữ *trời* hình chữ nhật của PT chính là tiền thân của chữ *trời* hình vuông và do đó xét theo nguồn gốc thì cấu tạo của chúng phải giống nhau, cả hai chữ tuy hình thể khác nhau nhưng xét về cấu tạo thì đều là loại chữ Nôm mượn nghĩa.

T.X.N.L

Chú thích:

(1) Dưới đây sẽ thay bằng thuật ngữ “Chữ Nôm vuông”.

(2) Dưới đây sẽ thay bằng thuật ngữ “Chữ Nôm hình chữ nhật”.

(3) Đào Duy Anh: *Chữ Nôm - Nguồn gốc, cấu tạo - Diễn biến*, Nxb. KHXH, H. 1975.

(4) Nguyễn Tài Cẩn - N.V. Xtankêvich: *Một số vấn đề chữ Nôm*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1985.

(5) Lê Văn Quán: *Nghiên cứu về chữ Nôm*, Nxb. KHXH, H. 1981.

(6) Nguyễn Khuê: *Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm*, Nxb. Tp. HCM, 1999.

(7) (8) Chúng tôi đoán là chữ 𠄎 bà, nhưng bà không đối dịch với 天 của chữ Hán được. Phải xem đây là hiện tượng tồn nghi.

(9) Tác giả bài viết đóng khung để hướng độc giả chú ý.

(10) Xem: *Nghiên cứu diễn biến chữ Nôm theo phương pháp hình thể*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (34)- 1998./.